TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MY XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2019/DS-ST
Ngày: 29/11/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Mai Thị Dương Hải
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông Lương Minh Suốt
2/ Ông Bùi Anh Đức

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Tô Văn Đằng cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2019/TLST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thu N.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thu N: Bà Nguyễn Thị N – Chức vụ: Giám đốc.

- Người dịa diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1981 (theo văn bản uỷ quyền ngày 25/11/2019). (Có mặt).

Địa chỉ: Số 93/1 Trương Công Đ, khóm 4, phường 2, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc Trăng.

* <u>*Bị đơn*</u>: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuận H.

- Người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuận H: Ông Lâm Thanh T – chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 160 đường tỉnh 934, ấp Chợ C, thị trấn Mỹ X, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Cao Thị V, sinh năm 1950 (theo văn bản uỷ quyền ngày 8/5/2019). (Có mặt).

Địa chỉ: Số 565 Lê Hồng P, khóm 5, phường 3, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T.

* <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*</u>:

- Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1961 (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964.(Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Tiên Cường 1, xã Thạnh Thới A, huyện Trần Đ, tỉnh Sóc T.

- Ông Bùi Văn H, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Nhãn 2, xã Thạnh Thới T, huyện Trần Đ, tỉnh Sóc T.

- Bà Cao Thị V, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số 565 Lê Hồng Phong,khóm 5, phường 3, thành phố Sóc T, tỉnh Sóc T.

NHẬN THẤY:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH Thu N do bà bà Nguyễn Thị M đại diện trình bày:

Vào ngày 01/07/2013 Công ty trách nhiệm hữu hạn Thu N (viết tắt là công ty Thu N) có hỗ trợ cho Công Ty trách hữu hạn Thuận H (viết tắt là Công ty Thuận H) mượn số tiền 50.000.000đ để thanh toán tín dụng Ngân hàng. Phía Công ty Thuận H có giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thu N (viết tắt là Công ty Thu N) 01 hợp đồng góp vốn bản chính đề ngày 28/3/2013 ký kết giữa ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Bé H với Công ty Thuận H và giao 02 bản gốc giấy chứng nhận QSDĐ để đảm bảo cho số tiền mượn trên. Cụ thể các giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) như sau:

- Giấy chứng nhận số AM 791671, số vào sổ 121 H do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 25/8/2008, thửa đất số 750, tờ bản đồ số 10, diện tích 491m^2.

- Giấy chứng nhận số AM 518216, số vào sổ 124 H do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 25/8/2008, thửa đất số 751, tờ bản đồ số 10, diện tích 500m^2. Cùng tọa lạc ấp Tiên Cường 1, xã Thạnh Thới An, huyện Trần Đề, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng và cùng do ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bé H đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ.

Khi giao dịch và nhận tiền của Công ty Thu N cả giám đốc Công ty Thuận H là ông Bùi Văn H và thành viên công ty Thuận H là bà Cao Thị V ký tên vào hợp đồng và giấy giao nhận tiền lập ngày 01/7/2013. Trong nội dung hợp đồng tín dụng Ngân hàng do hai bên ký kết thỏa thuận là bên A là Công ty Thu N hỗ trợ cho bên B là Công ty Thuận H số tiền 50.000.000đ, thời gian hỗ trợ là 15 ngày kể từ ngày 01/7/2013 đến ngày 15/7/2013. Công ty Thuận H cam kết trong thời hạn 15 ngày sẽ thanh toán cho Công ty Thu N nếu sang tới ngày thứ 16 thì Công ty Thuận H sẽ phải chịu tiền lãi phạt hợp đồng là 10.000.000đ. Ngoài ra Công ty Thuận H còn làm 03 tờ cam kết, nội dung Công ty Thuận H đồng ý tính tiền nợ gốc cho Công ty Thu N số tiền bằng 60.000.000đ và đồng ý tính lãi theo mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 15/12/2010 tới khi trả xong tiền nợ gốc 60.000.000đ. Nhưng kể từ đó tới nay Công ty Thuận H không thực hiện như cam kết và không thanh toán cho Công ty Thu N số tiền nào. Vì vậy Công ty Thu N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Thuận H phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ gốc là 60.000.000đ và tính lãi chậm trả theo thỏa thuận mà hai bên đã cam kết tạm tính từ ngày 15/07/2013 đến ngày 9/11/2018 là 59 tháng bằng 35.400.000đ, tổng cộng vốn lãi là 95.400.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Công ty Thu N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty Thuận H hoàn trả số vốn là 50.000.000đ và tính lãi theo mức lãi suất 9%/năm từ ngày vi phạm hợp đồng cho đến ngày xét xử so thẩm.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Cao Thị V trình bày:

Vào năm 2013 khi đó ông Bùi Văn H là Giám đốc Công ty Thuận H bà là thành viên của Công ty, ông H và bà Nguyễn Thị N là giám đốc công ty Thu Ngọc có làm sẵn hợp đồng góp vốn bằng QSDĐ với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bé H và làm sẵn giấy giao nhận tiền lập ngày 01/7/2013 và kêu bà ký vào để ông H vay tiền 50.000.000đ của công ty Thu N làm chi phí đi vay tiền của Ngân hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh vì vậy bà V mới ký vào giấy giao nhận tiền. Số tiền này ông H vay cho cá nhân của ông H chứ không có trong hồ sơ sổ sách của Công ty Thuận H, khi vay tiền ông H có giao cho bà Ngọc giữ 02 giấy Chứng nhận QSDĐ của ông Đ và bà H. Nay bà N yêu cầu Công ty Thuận H hoàn trả số tiền vốn là 50.000.000đ và lãi theo mứ lãi suất 9%/năm bà không thống nhất vì đây là số nợ cá nhân của ông H không liên quan gì đến Công ty Thuận H.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bé H đều trình bày:

Vào năm 2013 vợ chồng ông Đ có ký hợp đồng góp vốn với ông Bùi Văn H khi đó là giám đốc Công ty Thuận H để vay vốn Ngân hàng làm ăn, phía ông H nói với ông Đ là giao cho ông H 02 giấy chứng nhận QSDĐ để ông H vay tiền tại Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh 500.000.0000đ, lãi suất 0,1%/tháng, sau khi vay được tiền thì sẽ mua xe cuốc, xe ủi phục vụ cho việc xây dựng khu dân cư của công ty Thuận H, xe cuốc, xe ủi sẽ do ông Đ điều khiển và ông Hải chỉ trả tiền công làm. Sau khi ông Đ đưa 02 giấy chứng nhận QSDĐ của ông cho ông H và hai bên có ký tên vào hợp đồng góp vốn bằng QSDĐ lập ngày 28/6/2013 thì ông H không vay tiền của Ngân hàng mà lấy đem thế chấp cho Công ty Thu N để vay 50.000.000đ. Việc ông H lấy 02 giấy chứng nhận QSDĐ của ông thế chấp cho bà N để vay tiền ông không hay biết thời gian gần đây ông mới biết sự việc. Sau khi vay tiền của bà N thì ông H bỏ trốn khỏi địa phương, ngoài ra ông Đ không nhận được số tiền nào của ông H đưa. Nay ông Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà chỉ yêu cầu Công ty Thu N phải trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Đ và bà H.

- Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H không hợp tác và cố tình trốn tránh, không gửi văn bản trả lời cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX xử buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 50.000.000đ và lãi theo mức lãi suất 9%/năm từ ngày vi phạm hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm đồng thời buộc Công ty Thu N phải hoàn trả cho ông Đ và bà H bản gốc 02 giấy chứng nhận QSDĐ do ông Đ, bà H đứng tên mà hiện nay Công ty Thu N đang giữ. Đối với ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của

người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

XÉT THẤY;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Bé H Toà án đã tống đạt hợp lệ cho ông H và bà H các văn bản tố tụng đúng theo quy định nhưng ông H vẫn cố tình trốn tránh, dấu địa chỉ không hợp tác với Toà án và vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông H và bà H theo quy định pháp luật.

[3] - *Về nội dung tranh chấp*:

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 50.000.000đ và tính lãi 9%/năm. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, vì vậy HĐXX chấp nhận việc thay đổi này của nguyên đơn.

***** Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vay là 50.000.000đ cùng lãi suất 9%/năm từ ngày vi phạm hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm HĐXX xét thấy:

[4] Vào ngày 01/7/2013 giữa Công ty Thu N và Công ty Thuận H có ký hợp đồng dịch vụ tín dụng Ngân hàng, nội dung hợp đồng là Công ty Thu N cho Công ty Thuận H vay số tiền 50.000.000đ mục đích để Công ty Thuận H đáo hạn Ngân hàng. Thời hạn vay là 15 ngày, nếu quá hạn 15 ngày mà Công Ty Thuận H không thanh toán thì Công ty Thuận H thống nhất hoàn trả cho ông ty Thu N thêm 10.000.000đ, tổng cộng hai khoản là 60.000.000đ. Để bảo đảm số nợ vay Công Ty Thuận H giao cho Công ty Thu N giữ 02 Giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bé H, tổng diện tích đất là 991m^2 tọa lạc ấp Tiên Cường, xã Thạnh Thới An, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng Ngoài ra khi nhận tiền hai bên có làm giấy giao nhận tiền có đại diện các bên ký tên là bà N và ông Bùi Văn H khi đó là giám đốc Công ty Thuận H ký tên, bà V là thành viên Công ty Thuận H cùng ký tên. Đối với ông Bùi Văn H qua xác minh tại địa phương xã Thạnh Thới Thuận, huyện Trần Đề thì chính quyền địa phương cho biết hiện ông H đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ. Ngoài ra thì hiện nay ông H không còn là thành viên hay bất cứ liên quan gì đến Công ty Thuận H. Nay Công Ty Thu N yêu cầu Công ty Thuận H phải hoàn trả số tiền vốn vay là 50.000.000đ và lãi suất theo mức lãi 9%/năm, tính từ ngày vi phạm hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số nợ vốn là 50.000.000đ và lãi suất 9%/năm từ ngày vi phạm hợp đồng là ngày

15/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm và có cung cấp cho Toà án chứng cứ là bản hợp đồng dịch vụ tín dụng Ngân hàng và 01 giấy giao nhận tiền lập ngày 01/7/2013. Trong bản hợp đồng và giấy nhận tiền trên có ông Bùi Văn H là giám đốc công ty Thuận H nhận tiền và đóng dấu của công ty Thuận H, ngoài ông H còn có bà Cao Thị Vân là thành viên công ty Thuận H cũng ký tên trong tờ nhận tiền.

Tại phiên tòa bà V đại diện cho Công ty Thuận Hòa cho rằng việc hợp đồng vay tiền của Công ty Thu N là vay cá nhân của ông Bùi Văn Hải chứ Công ty Thuận H không vay tiền của Công ty Thu N, HĐXX xét thấy:

Tại thời điểm các bên lập hợp đồng vay tiền vào ngày 01/7/2013 thì lúc này ông Bùi Văn H vẫn đang là người đại diện theo pháp luật của Công ty Thuận H (Căn cứ theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 11/5/2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25/4/2013 cũng như Điều lệ hoạt động của Công ty TNHH Thuận H ngày 9/4/2013 bút lục số 131) có ghi rõ người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Bùi Văn H và tại điều 19 của điều lệ của công ty này cũng quy định về quyền và nhiệm vụ giám đốc Công ty là được quyền ký kết hợp đồng nhân danh công ty, được quyền quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty (BL 140). Như vậy cần xác định ông Bùi Văn H là người ký kết hợp đồng nhân danh pháp nhân, không phải nhân danh cá nhân, do đó khi xảy ra tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thì cần xác định Công ty Thuận H đã vay số tiền trên của Công ty Thu N chứ không phải cá nhân ông Bùi Văn H vay. Vì vậy đại diện bị đơn cho rằng việc vay tiền của công ty Thu Ngọc là do cá nhân ông H tự vay chứ không phải Công ty Thuận H vay của Công ty Thu N là không có căn cứ để HĐXX xem xét chấp nhận.

Như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đối với nguyên đơn, không thực hiện việc thanh toán nợ cho nguyên đơn theo thoả thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả vốn và lãi là có căn cứ để chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi 9%/năm từ ngày vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn HĐXX xét thấy: Tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất số tiền vốn cho bị đơn vay là 50.000.000đ và yêu cầu tính lãi của số tiền này theo lãi suất 9%/năm, xét thấy đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu của một bên hoặc các bên, vì vậy Tòa án không áp dụng thời hiệu và giải quyết theo thủ tục chung đối với việc tính lãi suất của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sụ năm 2015. Do mức lãi của nguyên đơn yêu cầu là 9%/năm là không cao, phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy HĐXX chấp nhận và việc tính lãi được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 16/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/11/2019) là 06 năm 04 tháng 13 ngày.

50.000.000đ x 9%/năm x 06 năm 04 tháng 13 ngày = 28.662.500đ

Tổng cộng vốn và lãi là: 50.000.000đ + 28.662.500đ = *78.662.500đ.*

[8] Như đã phân tích nêu trên cần xử buộc bị đơn Công ty Thuận H phải hoàn trả cho Công ty Thu N số tiền vốn và lãi tổng cộng là 78.662.500đ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[9] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghịa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bé H yêu cầu công ty Thu N hoàn trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ mà công ty Thu N đang giữ HĐXX xét thấy:

Vào ngày 28/6/2013 giữa vợ chồng ông Đ, bà H và ôg H đại diện cho Công ty Thuận H có lập văn bản về hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất, theo đó ông Đ, bà H giao cho ông H 02 giấy chứng nhận QSDĐ, mục đích là để vay vốn Ngân hàng và ông H đầu tư làm dự án, mua thiết bị máy móc và ông Đ sẽ cùng làm công cho ông Hải trong dự án khu dân cư của công ty Thuận H, văn bản này có ông Đ, bà H và ông H ký tên có đóng dấu của Công ty Thuận Hòa. Tuy nhiên sau khi nhận 02 giấy chứng nhận QSDĐ của ông Đ, bà H thì ông H không thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền mà ông Hải đã giao 02 giấy chứng nhận QSDĐ này cho Công ty Thu N để bảo đảm cho khoản nợ vay là 50.000.000đ, cụ thể, giấy chứng nhận QSDĐ số AN 518216 do UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 29/10/2008, diện tích 500m^2 tại thửa 751, giấy chứng nhận QSDĐ số AM 791671, do UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 25/8/2008, diện tích 491m^2 tại thửa 750, đất tọa lạc ấp Tiên Cường 1, xã Thạnh Thới An, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Do Công ty Thuận H không thanh toán số nợ trên cho Công ty Thu Ngọc vì vậy Công ty Thu N không hoàn trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Đ, bà H. Việc ông H đại diện công ty Thuận H không thực hiện đúng thỏa thuận về hợp đồng góp vốn trên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ và bà H vì vậy việc ông Đ, bà H yêu cầu Công ty Thu N hoàn trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ của ông Đ, bà H hiện do Công ty Thu N đang giữ là có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện công ty Thu N cho rằng sau khi Công ty Thuận H trả xong số tiền còn nợ trên thì thống nhất hoàn trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ này cho ông Đ và bà H. Vì vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện này của Công ty Thu N và buộc Công ty Thu N có trách nhiệm giao trả lại cho ông Đ và bà H 02 giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên là phù hợp.

[10]- *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn phải liên đới chịu toàn bộ án phí là 3.933.125đ, nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật

[11] Đối với ý kiến phất biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX xử buộc bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi tổng cộng là 78.662.500đ, nguyên đơn có trách nhiệm giao trả lại cho ông Đ và bà H 02 giấy chứng nhận QSDĐ hiện Công ty trách nhiệm hữu Thu N đang giữ. Như đã phân tích ở trên xét thấy đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điều 147, điểm b, Khoản 2 Điều 184; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015**.**

- Điều 463; Điều 468, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thu N về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuận H hoàn trả số tiền vốn là 50.000.000đ và lãi suất 9%/năm kể từ ngày vi phạm hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/11/2019.

2/ Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuận H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thu N số tiền nợ vốn là 50.000.000đ và lãi là 28.662.500đ, tổng cộng hai khoản là 78.662.500đ (*Bảy mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).*

- Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Thu N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuận H còn phải trả lãi cho Công ty Thu N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

3/ Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thu N phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bé H 02 bản gốc giấy Chứng nhận QSDĐ do ông Đ và bà H đứng tên quyền sử dụng đất số AN 518216 do UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 29/10/2008, diện tích 500m^2 tại thửa 751 và giấy chứng nhận QSDĐ số AM 791671, do UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 25/8/2008, diện tích 491m^2 tại thửa 750, đất tọa lạc ấp Tiên Cường 1, xã Thạnh Thới A, huyện Trần Đ, tỉnh Sóc T mà hiện nay Công ty TNHH Thu N đang giữ.

4/ Việc thanh toán tiền nợ giữa Công ty Thuận H và Công ty Thu N và việc giao trả 02 giấy chứng nhận QSDĐ giữa công ty Thu N và ông Đ, bà H nêu trên phải được thực hiện cùng thời điểm.

5/. Về án dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thu N không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.385.000đ theo biên lai thu số 0005339, ngày 21/12/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuận H phải chịu án phí là 3.933.125đ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện MX;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải